

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HS-ST
Ngày: 26/02/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trí Thông;
2. Ông Nguyễn M Đức.

Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Mộng Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cù Ngọc Sang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HS ngày 11/02/2018 đối với bị cáo:

Phạm Nhật N, sinh ngày 15/8/2000, nơi sinh: TC-AG; nơi cư trú (ĐKHKT): Khóm LT B, phường LH, thị xã TC, tỉnh AG; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 7/12; Giới tính: N; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: đạo phật; con ông Phạm Nhật L, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Chấn K, sinh năm 1976; chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Em Trần Gia M, sinh năm 2008; nơi cư trú: Khóm LT C, phường LH, thị xã TC, tỉnh A, vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của em Trần Gia M: Chị Trần Thị Kim L (me ruột), sinh năm 1983; nơi cư trú: Khóm LT C, phường LH, thị xã TC, tỉnh A; có mặt;

Người làm chứng:

1. Anh Lê M Q; vắng mặt;
2. Bà Trần Thị Mai T; vắng mặt;
3. Anh Nguyễn Văn Ph; vắng mặt;
4. Ông Lê Thanh H; vắng mặt;
5. Ông Nguyễn Thanh H; vắng mặt;
6. Bà Huỳnh Thị H1; vắng mặt;
7. Bà Nguyễn Chân K; vắng mặt;
8. Ông Phạm Nhật L; vắng mặt;
9. Em Nguyễn Hoàng Tr; vắng mặt.

Người giám hộ cho người làm chứng em Nguyễn Hoàng Tr: Ông Lê M Tr; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 ngày 04/10/2018, Phạm Nhựt N đi bộ trên đường thuộc khu dân cư khóm Khóm LT C, phường LH, thị xã TC, tỉnh A. N nhìn thấy em Trần Gia M đang điều khiển xe đạp điện màu xanh, nhãn hiệu Draca Funavi đi đến nhà của chị Huỳnh Thị H1, em M dựng xe đạp điện trước cửa nhà của chị H1, đi vào nhà. Lúc này, N nảy sinh ý định lấy trộm xe đạp điện của em M để sử dụng, N quan sát xung quanh thấy không có ai để ý, N liền đi đến lấy trộm xe đạp điện của em M và chạy xe về nhà của N thuộc khóm Long Thị B, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu cất giấu. Sau đó, em M phát hiện xe đạp điện bị mất trộm và báo với chị Trần Thị Kim L (mẹ ruột M), chị L trình báo Công an phường Long Hưng.

Khoảng 09 giờ 00 ngày 05/10/2018, N đi bộ đến cửa hàng bán phụ tùng xe đạp của chị Trần Thị Mai Thảo, thuộc khóm Long Thị D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, mua cục sạc xe đạp điện, giá 150.000 đồng. N đem về sạc điện vào bình của xe đạp điện, mà N lấy trộm được. Ngày 06/10/2018, N điều khiển xe đạp điện đi đến nơi anh Lê M Quang đang làm chìa khóa xe các loại, để làm chìa khóa của xe đạp điện. Tại đây, N nói chìa khóa xe bị mất, nghĩ N nói thật, nên anh Quang đồng ý làm chìa khóa xe lại cho N, giá 40.000 đồng, khi anh Quang làm chìa khóa xe xong, N dùng chìa khóa mở ổ khóa xe và điều khiển xe đạp điện về nhà. Sau đó, N đi bộ đến nơi bán keo dán điện thoại của anh Trần Văn Phong, mua keo dán hình Doremon đem về nhà, N lấy keo dán hình Doremon, dán vào sườn xe và bình xe đạp điện, nhằm thay đổi đặc điểm của xe, để em M không nhận ra, N sử dụng xe đạp điện này đi chơi. Đến ngày 09/10/2018, N điều khiển xe đạp điện đi đến khu vực khóm Khóm LT B, phường LH, thị xã TC, tỉnh AG, thì bị lực lượng Công an thị xã TC phát hiện N

đang sử dụng xe đạp điện của em M, mời N về trụ sở để làm việc. N khai nhận lấy trộm xe đạp điện của em Trần Gia M.

Vật chứng thu giữ: Một chiếc xe đạp điện màu xanh, nhãn hiệu Draca Funavi (đã qua sử dụng); Một cục sạc xe đạp điện màu xanh - đen, hiệu Charger (đã qua sử dụng); Một chìa khóa xe đạp điện, hiệu SYM (có gắn móc khóa, đã qua sử dụng);

Kết luận định giá tài sản số 64/KL-TTHS ngày 10/10/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã TC, kết luận: Một chiếc xe đạp điện màu xanh, hiệu Draca Funavi, trị giá 6.000.000 đồng.

Ngày 15/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã TC ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can Phạm Nhựt N và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Cáo trạng số 13/CT-VKS-CD ngày 18 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC đã truy tố bị cáo Phạm Nhựt N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã TC, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng.

Bị hại em Trần Gia M (người đại diện theo pháp luật chị Trần Thị Kim L) khai, Trần Thị Kim L (mẹ ruột M) có mua cho M xe đạp điện màu xanh. Khoảng 13 giờ 00 ngày 04/10/2018, M điều khiển xe đạp điện từ nhà đến nhà cô Huỳnh Thị H1 thuộc khu dân cư khóm LT C, phường LH, thị xã TC, M đậu xe tại vỉa hè. Sau đó, vào nhà cô H1 để học, khoảng 15 giờ 00 cùng ngày hết giờ học M trở ra thì không thấy xe đạp điện và M báo cho mẹ ruột Trần Thị Kim L biết và trình báo Công an.

Các người làm chứng,

Lê Minh Q khai có làm chìa khóa xe đạp điện cho Phạm Nhựt N giá 40.000 đồng, nhưng không biết xe đạp điện N lấy trộm;

Chị Trần Mai Th khai, Phạm Nhựt N có đến cửa hàng của chị mua cục sạc điện xe đạp giá 150.000 đồng;

Nguyễn Văn Ph khai, Khoảng 11 giờ ngày 06/10/2018 Phạm Nhựt N có đến mua keo dán xe đạp điện hình Doremon;

Chị Huỳnh Thị H1 khai, em M có đến nhà H1 học thêm và có dựng xe đạp điện gần nhà, đến khoảng 15 giờ 00 cùng ngày hết giờ học thì em M phát hiện mất xe đạp điện;

Anh Lê Thanh H khai, Tháng 9/2018, H có bán cho chị Trần Thị Kim L xe đạp điện màu xanh.

Nguyễn Hoàng Tr khai, Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 09/10/2018, Trg đang chơi game. Phạm Nhựt N điều khiển xe đạp điện màu xanh đến rước Tr đi

chơi, trong lúc đang ngồi uống nước giải khát Tr nhìn thấy 02 bên xe đạp điện có dán hình Doremon. Lực lượng Công an có mời N về trụ sở làm việc.

Tại phiên tòa,

Bị cáo N khai nhận, khi thấy em M điều khiển xe đạp điện và dừng trên vỉa hè, N quan sát xung quang không thấy ai nên nảy sinh và lấy trộm xe đạp điện của em M và đem về nhà cất giấu. N mua cục sạc để sạc xe đạp điện, thuê làm chìa khóa xe, mua keo dán hình Doremon để thay đổi điểm đặc điểm xe đạp điện. Sau đó, N điều khiển xe đạp điện đến khu vực LT D, thì bị lực lượng Công an bắt giữ và lập biên bản.

Chị Trần Thị Kim L (đại diện theo pháp luật của em M) khai, Trần Gia M đã nhận lại xe đạp điện, chị L không có ý kiến khác.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm luận tội: Lời khai nhận của bị cáo Phạm Nhựt N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và các người làm chứng trong quá trình điều tra cùng các vật chứng được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo N lén lút chiếm đoạt xe đạp điện của em M trị giá 6.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC truy tố đối với bị cáo N là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố.

Hành vi phạm tội của bị cáo N đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm răn đe, giáo dục phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo chưa có tiền án tiền sự thuộc thành phần lao động, nhận thức pháp luật hạn chế, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại hạn chế thiệt hại xảy ra là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét khi lượng hình.

Về hình phạt

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Nhựt N, từ 09 tháng đến 01 năm tù, cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Một cục sạc xe đạp điện màu xanh-đen, hiệu Charger (đã qua sử dụng); Một chìa khóa xe đạp điện, hiệu SYM (có gắn móc khóa, đã qua sử dụng). Các vật chứng này có liên quan đến việc bị cáo phạm tội, nhưng

không còn giá trị sử dụng, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu, tiêu hủy.

Về Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường, nên không đề cập.

Trong phần tranh luận, bị cáo N không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý theo Quyết định truy tố và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến khác.

Bị cáo N nói lời sau cùng, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo Phạm Nhựt N bị Cơ quan điều tra - Công an thị xã Tân Châu khởi tố về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” xảy ra tại khu vực phường LH, thị xã TC, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã TC, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[3] Sự vắng mặt của bị hại em Trần Gia M; các người làm chứng Lê Minh Q, Trần Thị Mai Th, Nguyễn Văn Ph, Lê Thanh H, Nguyễn Thanh H, Huỳnh Thị H1, Nguyễn Chấn K, Phạm Nhựt L, Nguyễn Hoàng Tr (người giám hộ Lê Minh Trí) đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

- Về nội dung:

[1] Hành vi phạm tội:

Bị cáo Phạm Nhựt N khai nhận, do ham muốn có xe đạp điện để chạy nên ngày 04/10/2018, bị cáo nhìn thấy em Trần Gia M điều khiển xe đạp điện dừng trước cửa nhà của chị Huỳnh Thị H1. N quan sát xung quang không có ai trông giữ, nên lén lút lấy trộm tài sản xe đạp điện của em M đem về nhà cất giấu. Ngày 05/10/2018, bị cáo đến cửa hàng bán phụ tùng xe đạp của chị Trần Thị Mai Th mua cục sạc về nhà sạc điện xe đạp. Ngày 06/10/2018, bị cáo điều khiển xe đạp điện đến chỗ anh Lê Minh Q thuê làm chìa khóa xe lại và điều khiển xe

đạp điện về nhà. Sau đó, bị cáo đi bộ đến chỗ bán keo dán đèn thoại của anh Trần Văn Ph mua keo dán hình Doremon đem về nhà dán vào sườn xe đạp để thay đổi đặc điểm xe. Ngày 09/10/2018, bị cáo điều khiển xe đạp điện đến khóm LT D, phường LT, thị xã TC thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ cùng vật chứng.

Tài sản bị cáo N lấy trộm trị giá 6.000.000 đồng (theo kết luận định giá tài sản số 64/KL-TTHS ngày 10/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự).

Lời khai của bị cáo có lấy trộm xe đạp điện của em Trần Gia M phù hợp với lời khai bị hại em M (chị L) có mất xe đạp điện màu xanh; phù hợp lời khai các người làm chứng Lê Minh Q có làm chìa khóa xe đạp điện cho N; chị Trần Mai Th có bán cho N cục sạc điện xe đạp; Nguyễn Văn Ph bán cho N keo dán xe đạp điện hình Doremon; chị Huỳnh Thị H1 khai em có dựng xe đạp điện gần nhà, hết giờ học thì em M phát hiện mất xe đạp điện; anh Lê Thanh H có bán cho chị Trần Thị Kim L xe đạp điện màu; Nguyễn Hoàng Tr khai N điều khiển xe đạp điện màu xanh đến rước Tr đi chơi, trong lúc đang ngồi uống nước giải khát Tr nhìn thấy 02 bên xe đạp điện có dán hình Doremon và lực lượng Công an có mời N về trụ sở làm việc; phù hợp biên bản tiếp nhận tin báo về tội phạm ngày 04/10/2018 và các chứng cứ được thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Đủ căn cứ kết luận bị cáo Phạm Nhật N có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của em Trần Gia M, trị giá 6.000.000 đồng là xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác.

Bị cáo N có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng số 13/CT-VKSTC ngày 18/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu truy tố hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Nhật N là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

An ninh trật tự là vấn đề đặc biệt và cần quan tâm, mọi người cùng nhau giữ gìn trật tự chung ở địa phương, bảo vệ tài sản của nhau.

Tài sản của em Trần Gia M (người đại diện bà Trần Thị Kim L) thuộc quyền sở hữu của em M và bà L, bất kỳ ai xâm hại sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Bị cáo Phạm Nhật N là người đã trưởng thành có sức khỏe, có khả năng lao động. Lẽ ra, bị cáo phải tích cực lao động để tạo thu nhập chi phí cho bản thân và phụ giúp gia đình. Ngược lại, bị cáo lại lười biếng lao động, không làm mà muốn có tài sản sử dụng, lợi dụng sự sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật.

[2] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: không .

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo N có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; ngoài lần phạm tội này, bị cáo không có tiền án, tiền sự; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Hình phạt:

- Về hình phạt chính: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét, không nhất thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, có thể để bị cáo tự lao động dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục. Cho bị cáo hưởng án treo.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường LH, thị xã TC trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở L thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Xét, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) cục sạc xe đạp điện hiệu CHARER màu xanh – đen (đã qua sử dụng); 01 (một) chìa khóa xe đạp điện hiệu SYM, có gắn móc khóa (đã qua sử dụng); bị cáo N sử dụng vào việc phạm tội, nhưng không có giá trị sử dụng. xét, tịch thu tiêu hủy theo quy định điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Điều tra - Công an thị xã TC với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC ngày 21//02/2019).

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại em Trần Gia M người đại diện Trần Thị Kim L) đã nhận lại xe đạp. Không có yêu cầu khác nên không đề cập giải quyết.

[6] Các vấn đề khác: Đối với Lê Minh Q làm chìa khóa xe đạp cho bị cáo N, nhưng Q không biết bị cáo N sử dụng vào việc phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã TC không xử lý hành vi của Q là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bị cáo Phạm Nhựt N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Nhật N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Phạm Nhật N 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo;

Thời hạn thử thách của bị cáo là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án 26/02/2019 (hai mươi sáu, tháng hai, năm hai nghìn không trăm mười chín).

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường LH, thị xã TC trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở L thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Tuyên bố tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) cục sạc xe đạp điện hiệu CHARER màu xanh - đen (đã qua sử dụng); 01 (một) chìa khóa xe đạp điện hiệu SYM, có gắn móc khóa (đã qua sử dụng);

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Điều tra - Công an thị xã Tân Châu với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu ngày 21/02/2019).

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Nhật N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, chị L có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của em M vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:

- Viện KSND thị xã (1);
- Viện KSND tỉnh (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (1);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thị xã (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Huỳnh Thị Bạch Tuyết